

Bản án số: 15/2026/DS-ST

Ngày: 24 - 3 - 2026

“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Hồng Vân;

Bà Trần Thị Bình Hải;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2025/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B (B1)

Địa chỉ: Số A, đường Q, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Thái H – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Quý D – Giám đốc chi nhánh T (Quyết định uỷ quyền đại diện giải quyết công việc tại Chi nhánh số 3260/2023/QĐ-TGĐ ngày 22/12/2013). Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Đình N – Trưởng phòng kinh doanh chi nhánh T, địa chỉ: T đất số 153-163-168 khu Q, phường T, tỉnh Hưng Yên (Giấy uỷ quyền số 41/2025/UQ-CNTB ngày 22/10/2025).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H1, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên, căn cước công dân số 034186002487 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/10/2022.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP B (B1), trình bày: Ngày 13/04/2024, bị đơn chị Trần Thị H1 có giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại ngân hàng B1 - Chi nhánh T, ngày 19/4/2024 ngân hàng B1 chấp nhận đề nghị của nguyên đơn chị H1 và giao kết hợp đồng số 140-190424-MC platinum-14006461 ngày 19/04/2024 để mở thẻ tín dụng tại ngân hàng B1 cho bị đơn chị H1, vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn cho vay của thẻ tín dụng tối đa 60 tháng, lãi suất cho vay áp dụng lãi suất theo quy định hiện hành của B2 theo từng thời kỳ. Trong trường hợp áp dụng lãi suất ưu đãi tuân thủ theo quy định của B2 theo từng thời kỳ (mức lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng theo quy định của B2 là từ 23%/năm đến 27%/năm). Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì nguyên đơn chị H1 phải trả kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 04/05/2024 tuy nhiên từ ngày 04/05/2024 đến ngày 05/7/2025 chị H1 không thực hiện trả bất kỳ một đồng gốc, lãi nào của khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, mặc dù ngân hàng B1 đã mời chị H1 lên làm việc nhiều lần nhưng chị H1 không hợp tác, ngân hàng B1 - Chi nhánh T đã xuống tận nhà trường nơi chị H1 đang công tác để làm việc với chị H1, tuy nhiên chị H1 không có động thái trả nợ ngân hàng. Vì vậy, ngân hàng B1 khởi kiện yêu cầu bị đơn chị H1 trả cho ngân hàng B1 tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/3/2026 là 47.400.715 đồng, trong đó nợ gốc 28.405.990 đồng, lãi là 18.394.725 đồng, phí phát sinh là 600.000 đồng. B2 đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi chị H1 thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay (chị H1) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/01/2026, Bị đơn chị Trần Thị H1 trình bày: Ngày 13/4/2024, chị H1 có làm giấy đề nghị ký kết hợp đồng phát hành, sử dụng quốc tế tại ngân hàng B1, ngày 19/4/2024 ngân hàng B1 chấp nhận ký Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế B1 với chị H1 và đã cấp thẻ tín dụng quốc tế cho chị H1 để sử dụng với hạn mức tiền vay là 30.000.000 đồng, loại thẻ Carhback Platinum, mục đích sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ cho đơn vị chấp nhận thẻ hoặc/và rút tiền tại các ATM và thanh toán các loại hoá đơn trên kênh do B2 cung cấp phù hợp với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

và quy định pháp luật hiện hành, thời hạn sử dụng thẻ từ ngày 19/4/2024 đến ngày 19/4/2029, chị H1 đã sử dụng “Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức” để đảm bảo khoản vay nêu trên. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ về thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh như đã cam kết với Ngân hàng từ ngày 05/7/2024. Nay Ngân hàng khởi kiện chị yêu cầu chị trả nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh theo Hợp đồng chị đã ký kết với Ngân hàng nêu trên, chị H1 nhất trí trả cho Ngân hàng B1 số tiền gốc còn nợ và lãi suất của số tiền gốc theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B1. Đây là khoản tiền vay chị H1 dùng để sử dụng cho cá nhân chị H1, không liên quan đến ai, một mình chị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B1, nhưng do hoàn cảnh hiện nay của chị H1 đang gặp khó khăn về tài chính, chị H1 chưa có điều kiện để trả nợ ngay cho Ngân hàng B1 nên chị H1 đề nghị Ngân hàng B1 gia hạn thêm thời gian cho chị H1 để chị có thời gian thu xếp trả nợ cho Ngân hàng B1. Chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết, xét xử vắng mặt chị H1 trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLDS). Khoản 2 Điều 100, Điều 103, điểm a khoản 3 Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng (sau đây viết tắt là LTCTD). Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B1, buộc bị đơn chị H1 phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng B1 số tiền tổng là 47.400.715 đồng, trong đó nợ gốc 28.405.990 đồng, lãi là 18.394.725 đồng, phí duy trì và phát hành thẻ là 600.000 đồng. Bị đơn chị H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (B1) khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng với bị đơn chị Trần Thị H1 có địa chỉ tại xã N, tỉnh Hưng Yên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên tòa là phù hợp

với quy định tại khoản 2 Điều 21 của BLTTDS. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tự chung.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại Điều 429 của BLDS “Thời hiệu khởi kiện ... tranh chấp hợp đồng dân sự là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm” bị đơn chị H1 thừa nhận như yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B1 là chị Hà V phạp nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng B1 từ ngày 05/7/2024, ngày 24/7/2025 ngân hàng B1 khởi kiện, nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng nêu trên vẫn còn.

[3] Về nội dung: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên giữa ngân hàng B1 và chị Trần Thị H1, thì khi cấp hạn mức cho vay tiền qua thẻ tín dụng quốc tế được ký kết giữa hai bên ngày 19/4/2024, thì phương thức trả nợ hàng tháng là trích nợ tự động từ tài khoản thanh toán tối thiểu nhưng đến ngày 05/7/2024 chị H1 không thanh toán trả tiền gốc, lãi là vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, B1 có quyền thu hồi nợ trước hạn, chấm dứt việc cấp tín dụng với chị H1 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ. Do đó HĐXX nhận thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của BLDS. Khoản 2 Điều 100, Điều 103, điểm a khoản 3 Điều 107 của LTCTD để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng B1.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 146 và Điều 147 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271 và 273 của BLTTDS, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 146, 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 117, 118, 119, 280, 351, 353, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

3. Buộc bị đơn chị Trần Thị H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền là 47.400.715 đồng (gồm nợ gốc là 28.405.990 đồng, nợ lãi là 18.394.725 đồng, phí phát sinh là 600.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay nhưng phải phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Về án phí: Bị đơn chị Trần Thị H1 phải chịu 2.370.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng TMCP B 990.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002543 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B và Bị đơn chị Trần Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA , vp TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Xuân Bằng